

trích các quỹ theo Nghị Quyết)

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị, BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2015 - 2016

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	01/01/2016- 31/3/2016	01/04/2016- 31/12/2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,27	2,26	2,15
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	1,66	1,84	1,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	32,84	32,22	32,72
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	48,90	47,54	48,64
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	Lần	3,62	1,59	3,75
Vòng quay tổng tài sản: <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản BQ	Lần	0,35	0,13	0,30
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,61	3,60	7,99
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	1,70	0,68	3,53
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	0,57	0,46	2,38
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,50	4,56	10,26

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị, BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- ✚ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.233.269 cổ phần.
- ✚ Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCDKGĐ: 564.300 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2016

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông Nhà nước	01	17.233.069	94,51%
2	Cổ đông trong nước	302	1.000.200	5,49%
2.1	Tổ chức	00	00	00%
2.2	Cá nhân	302	1.000.200	5,49%
3	Cổ đông nước ngoài	00	00	00%
3.1	Tổ chức	00	00	00%
3.2	Cá nhân	00	00	00%
4	Cổ phiếu quỹ	00	00	00%
Tổng Cộng		303	18.233.269	100%

(Nguồn: DSCĐ Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị chốt ngày 31/12/2016)

Bảng số 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2016

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị	Số 45, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	17.233.069	94,51%
Tổng Cộng			17.233.069	94,51%

(Nguồn: DSCĐ Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị chốt ngày 31/12/2016)

Bảng số 10: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Đào Bá Hiếu	190349029	KP2, Phường 2, TX Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị	9.300	0,051%
2	Lê Văn Tư	197024551	xã Hải Phú, Hải Lăng, Quảng Trị	9.100	0,050%
3	Trần Văn Hợi	191118187	Phường Đông Lương, Tp Đông Hà, Quảng Trị	7.100	0,039%
4	Lê Thành Ty	197212409	Phường 1, Tp Đông Hà, Quảng Trị	6.700	0,037%
5	Nguyễn Hoạt	190917158	Phường 5, Tp Đông Hà, Quảng Trị	6.900	0,038%
Tổng Cộng				39.100	0,214%

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

Theo quy định Luật Doanh nghiệp, hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (từ ngày 31/03/2016 đến 31/03/2019).

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị - doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Quảng Trị, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200041908 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 31/03/2016 và chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ 01/04/2016. Tại thời điểm 01/04/2016, Vốn điều lệ thực góp của các Cổ đông Công ty là 179.592.270.000 đồng

Tuy nhiên, sau khi tiến hành các thủ tục bàn giao giữa Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, tổng giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần 31/3/2016 có sự tăng so với thời điểm 31/12/2014 theo quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 27/07/2016 của UBND tỉnh về việc xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị tại thời điểm 31/03/2016 để bàn giao sang Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đã được điều chỉnh tăng so với vốn điều lệ đã

được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 2435/QĐ-UBND ngày 05/11/2015. Vốn điều lệ tăng do tại thời điểm quyết toán bàn giao sang công ty cổ phần tại thời điểm 31/03/2016, phần vốn nhà nước tăng, giảm so với thời điểm 31/12/2014 (thời điểm chốt sổ kế toán xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) cụ thể như sau:

- Giá trị vốn Nhà nước tăng: 3.154.351.000 đồng, trong đó:
 - + Nhận bàn giao tài sản hệ thống cấp nước Vĩnh Long – Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Xây dựng, lắp đặt công nghệ đài nước theo Biên bản bàn giao ngày 16/12/2015 giữa Ban QLDA đầu tư cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị: 3.102.127.000 đồng;
 - + Thu từ thanh lý tài sản: 52.224.000 đồng
- Giá trị vốn Nhà nước giảm: Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển Công ty đã tạm trích từ lợi nhuận năm 2013 và đã xác định giá trị phần vốn Nhà nước thời điểm 31/12/2014 là: 413.937.900 đồng.

Vốn điều lệ sau quyết toán, bàn giao sang Công ty cổ phần được điều chỉnh tăng từ 179.592.270.000 đồng lên 182.332.690.000 đồng theo Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 09/09/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc điều chỉnh vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành của phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị chuyển sang Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Sản phẩm chính của đơn vị là sản xuất nước sạch. Nguyên vật liệu chính để sản xuất ra sản phẩm là nước và các hóa chất xử lý nước. Nguồn nước được khai thác từ nguồn nước mặt của các sông trên địa bàn và mặt nước ngầm.

Tổng lượng nguyên vật liệu chính để sản xuất sản phẩm gồm:

TT	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Clo lỏng	Kg	19.935
2	Bột PAC	Kg	83.704
3	Vôi bột	Kg	66.000
4	Bột phèn	Kg	960

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Vật liệu sản xuất nước là các hóa chất chỉ được sử dụng 1 lần. không có vật liệu tái sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Đối với hoạt động sản xuất nước, năng lượng tiêu thụ chủ yếu là điện năng phục vụ sản xuất nước. Trong năm 2016, điện năng tiêu thụ như sau:

- Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 6.490.985 Kw

- Điện năng tiêu thụ gián tiếp: 90.833 Kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Ngành sản xuất nước là một ngành đặc thù, sử dụng điện năng tiêu thụ lớn. Tiết kiệm chi phí điện năng để nâng cao hiệu quả SXKD là mục tiêu hàng đầu được Ban lãnh đạo đề ra trong kế hoạch SXKD hàng năm. Trong năm 2016, mức tiêu thụ điện năng giảm so với kế hoạch đề ra là 0,004 Kw/m³.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Một số giải pháp nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ:

- Lắp đặt các tụ bù công suất phản kháng nhằm giảm tổn hao công suất của máy dẫn đến tiêu hao điện năng.

- Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc thiết bị. Thay thế các máy bơm nước thể hệ cũ có mức tiêu hao năng lượng lớn.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn nước cung cấp cho Công ty chủ yếu bằng hai nguồn chính: Nguồn nước mặt từ các dòng sông và nước ngầm từ các giếng khoan.

+ Lượng nước cung cấp trong năm: 14.812.882 m³

+ Lượng nước tiêu thụ qua đồng hồ khách hàng: 11.836.102 m³

+ Tỷ lệ thất thoát nước: 25,15%

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Công ty hoạt động chủ yếu là cung cấp nước sạch cho khách hàng sử dụng. Do vậy, không có nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

✚ Số lượng lao động: 271 người.

✚ Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng số 11: Mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2013	2014	2015	2016
Lao động bình quân (người)	317	314	294	270
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.800.000	7.800.000	8.000.000	9.300.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Công ty đảm bảo cho trên 270 lao động đủ việc làm và mức thu nhập ở mức cao so với mặt bằng chung của tỉnh. Thực hiện chế độ ăn ca cho người lao động. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động. Tổ chức tập huấn hàng năm về vệ sinh an toàn thực phẩm cho người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động. Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ thai sản, ốm đau, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ phép. Vận động đoàn viên công đoàn quyền góp, hỗ trợ cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ dưỡng định kỳ. Tặng quà cho con CB CNV đạt thành tích trong học tập, các dịp Quốc tế thiếu nhi, tết trung thu. Tổ chức đào tạo tại chỗ hoặc cử CB CNV đi đào tạo tại các trung tâm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, tổ chức thi nâng bậc cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CB CNV

c) Hoạt động đào tạo người lao động

✚ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên theo từng chương trình cụ thể như:

- Đào tạo, kiểm tra tay nghề và nâng bậc thợ trong thời gian 2 ngày cho 105 người lao động.
- Cử cán bộ, người lao động tham dự khóa tập huấn an toàn vệ sinh lao động trong thời gian 02 ngày cho 151 người lao động.
- ⬇ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Nghiên cứu sử dụng các nguồn nguyên nhiên liệu thay thế không gây ô nhiễm môi trường.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 12: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 - 2016

Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	01/01/2016- 31/3/2016 (đồng)	01/04/2016- 31/12/2016 (đồng)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.661.268.791	34.103.889.104	81.979.916.868
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.661.268.791	34.103.889.104	81.979.916.868
Giá vốn hàng bán	72.882.657.367	27.067.262.936	56.739.585.106
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.778.611.424	7.036.626.168	25.240.331.762
Doanh thu hoạt động tài chính	1.243.985.468	130.684.858	1.741.386.999
Chi phí tài chính	5.453.330.052	895.464.637	2.621.395.682
Chi phí bán hàng	6.443.430.242	2.300.970.737	7.446.306.186
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.654.336.914	2.415.119.554	8.505.287.840
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	471.499.684	1.555.756.098	8.408.729.053

Thu nhập khác	2.086.935.330	782.881.982	735.358.051
Chi phí khác	506.809.200	785.724.433	928.529.807
Lợi nhuận khác	1.580.126.130	(2.842.451)	(193.171.756)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.051.625.814	1.552.913.647	8.215.557.297
Chi phí thuế TNDN hiện hành	530.459.169	325.882.434	1.665.954.360
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.521.166.645	1.227.031.213	6.549.602.937

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị, BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

Đánh giá của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Kết quả kinh doanh của năm 2016 được hiển thị tại bảng số liệu trên. Do công ty chuyển đổi sang mô hình từ tháng 04/2016 không đủ năm tài chính nên so sánh tỷ lệ thực hiện không khách quan. Tuy nhiên, sau khi Công ty chuyển sang mô hình công ty cổ phần thì lợi nhuận sau thuế tăng lên, các khoản nộp thuế tăng lên so với trước khi chuyển sang cổ phần.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Bảng số 13: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016

TÀI SẢN	31/12/2015 (đồng)	31/3/2016 (đồng)	31/12/2016 (đồng)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	75.152.948.323	75.332.326.857	93.190.614.552
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	35.312.759.865	42.880.670.038	54.244.121.379
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	6.360.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	19.465.137.852	18.394.320.218	16.225.593.497
IV. Hàng tồn kho	20.112.949.950	13.925.867.086	16.360.899.676
V. Tài sản ngắn hạn khác	262.100.656	131.469.515	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	191.641.720.654	193.689.648.262	187.557.970.336
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

2016

II. Tài sản cố định	190.463.572.654	192.519.965.544	185.103.371.638
1. TSCĐ hữu hình	190.463.572.654	192.519.965.544	185.103.371.638
2. TSCĐ vô hình	-	-	-
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	70.200.000	91.825.354	1.590.304.529
V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	1.107.948.000	1.077.857.364	864.294.169
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	266.794.668.977	269.021.975.119	280.748.584.888

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị, BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

b) Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 14: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2015 - 2016

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2015 (đồng)	31/3/2016 (đồng)	31/12/2016 (đồng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	87.616.329.369	86.689.284.511	91.866.291.951
I. Nợ ngắn hạn	33.140.665.205	33.353.313.365	43.281.854.335
1. Vay và nợ ngắn hạn	3.081.075.294	2.772.967.765	5.545.935.530
2. Phải trả cho người bán	550.377.886	720.711.486	5.302.129.044
3. Người mua trả tiền trước	7.913.239.468	3.497.785.663	4.018.044.195
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	471.201.600	649.594.605	1.789.092.977
5. Phải trả người lao động	11.735.862.241	9.800.538.394	15.968.468.385
6. Chi phí phải trả	1.686.731.410	1.384.528.908	1.585.483.800
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.574.144.301	13.245.943.236	7.866.157.123
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.128.033.005	1.281.243.308	1.206.543.308
II. Nợ dài hạn	54.475.664.164	53.335.971.146	48.584.437.616
1. Phải trả dài hạn khác	53.918.812.691	-	-

2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		52.686.382.573	47.140.447.043
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	556.851.473	649.588.573	1.443.990.573

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị, BCTC kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Rà soát lại các Nội qui, Qui chế để sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của công ty tại mọi thời điểm, bố trí sử dụng lao động hiệu quả, rà soát và sắp xếp lại lực lượng lao động hiện có từ lao động quản lý đến lao động trực tiếp cho phù hợp với tình hình SXKD phức tạp. Xem xét xây dựng mô hình công ty ổn định lâu dài về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Đề ra các biện pháp thi công hợp lý, khoa học, triệt để tiết kiệm trong hoạt động SXKD, thường xuyên phân tích đánh giá để lãnh đạo Công ty kịp thời có những quyết sách đúng đắn

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giai đoạn 2016 – 2020, ngoài việc tiếp tục thực hiện công tác đầu tư phát triển SXKD bằng nguồn vốn khấu hao để lại và nguồn vốn sửa chữa, một nhiệm vụ quan trọng trong công tác đầu tư nhằm cấp nước bổ sung cho các nhà máy đang thiếu hụt nguồn nước, Công ty đang lên kế hoạch xin chủ trương của UBND tỉnh cho lập nhận diện dự án (FS) 3 khu vực: Đông Hà, Quảng Trị, Khe Sanh từ nguồn vốn của Công ty để kêu gọi đầu tư từ các nguồn vốn bên ngoài, cụ thể:

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước Tân Lương thành phố Đông Hà từ nguồn sông Vĩnh Phước 15.000 m³/ngày-đêm lên 20.000 m³/ngày-đêm, cải tạo mạng lưới đường ống cấp nước nhằm ổn định, nâng cao năng lực cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát (phần đầu giảm tỷ lệ thất thoát từ 25% xuống dưới 20%).

- Nghiên cứu lập dự án bổ sung cấp nước cho Hồ Xá từ thị trấn Bến Quan, khai thác nước mặt sông Sa Lung hoặc Hồ Bảo Đài.

- Hoàn thành và phát huy hiệu quả dự án Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Long - Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh và dự án Hệ thống cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng do Chính phủ Italia hỗ trợ thiết bị, vật tư ngành nước và vốn đối ứng.

- Tính toán cụ thể các phương án, phương pháp thực hiện và hiệu quả đầu tư từ dự án Phát triển cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận, định hướng bổ sung nguồn nước cho Nhà máy Đông Hà từ nguồn nước mặt sông Hiếu khi đập ngăn mặn trên sông Hiếu được triển khai xây dựng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)*

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép, góp một phần không nhỏ vào sự xanh – sạch – đẹp trên địa bàn.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động*

Nhìn chung, người lao động trong công ty có trình độ chuyên môn, năng lực công tác; có tinh thần trách nhiệm, gắn bó với công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

Đội ngũ cán bộ trẻ đông, được đào tạo cơ bản, đầy nhiệt huyết, có tinh thần trách nhiệm. Tuy nhiên còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn;

Cơ cấu lao động ở một số bộ phận hiện nay chưa tinh gọn; lao động gián tiếp khá cao, một số vị trí chưa đáp ứng yêu cầu yêu cầu công việc được giao hoặc có trình độ chuyên môn không phù hợp với công việc đảm nhận;

Trình độ tay nghề của người lao động chưa gắn với thực tế sản xuất, nhất là đối với số có bậc thợ cao.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc: tham gia ủng hộ biển đảo, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, trao các quỹ học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn,... Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đã và đang triển khai Dự án Cung cấp các dịch vụ vệ sinh cấp cộng đồng cho dân nghèo đô thị do Tổ chức Định cư con người của Liên Hợp Quốc (UN-HABITAT) tài trợ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

Trong năm 2016, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức, song toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị giao cho. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, thu nhập người lao động ổn định, đảm bảo hài hòa lợi ích người lao động, nhà nước và các cổ đông.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã luôn chủ động trong việc ký kết hợp đồng đặt hàng, xây dựng hồ sơ đấu thầu cung cấp các dịch vụ cấp nước với Ủy ban nhân dân tỉnh

Quảng Trị. Do đó công tác điều hành sản xuất kinh doanh luôn chủ động, tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

✦ Những việc đã làm được:

Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT.

Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

✦ Những hạn chế cần khắc phục:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, HĐQT nhận thấy vẫn còn những khuyết điểm, đó là:

- HĐQT đã ban hành các quy định, quy chế, quy trình tác nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và mô hình hoạt động của công ty cổ phần bước đầu giúp công tác điều hành SXKD đang từng bước đi vào hệ thống. Tuy nhiên một số quy chế, quy định do công tác rà soát, cập nhật kéo dài chậm ban hành,

- Công tác kiểm tra, giám sát còn chưa kịp thời thường xuyên nên hiệu quả chưa cao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2017 công ty đã hoạt động ổn định theo mô hình công ty cổ phần. Công ty cần có các định hướng, kế hoạch hoạt động cụ thể đồng thời phải chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành nhằm đáp ứng với yêu cầu thực tế. Với mục tiêu tập trung phát triển SXKD, phấn đấu giữ vững tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 8-10%, thực hiện hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo hài hòa lợi ích doanh nghiệp và người lao động. Trước bối cảnh đó, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của công ty năm 2017 và giao công ty xây dựng kế hoạch cụ thể để trình Đại hội cổ đông như sau:

1. Chỉ đạo, quản trị hoạt động của công ty tiếp tục ổn định và phát triển, Cụ thể:

+ Tổng giá trị thực hiện: 130,460 tỷ đồng

Trong đó: - Giá trị nước máy: 101,530 tỷ đồng

- XDCB-LDCN khác: 28,930 tỷ đồng (Trong đó đấu thầu bên ngoài 10 tỷ đồng). Chi tiết:

- XDCB-S/C: 13 tỷ đồng

- LDCN khác: 12,930 tỷ đồng
- Thực hiện KH CNAT: 3 tỷ đồng
- + Nước máy hàng hoá: 12.24.0.000 m³
- + Đơn giá nước máy bình quân: 7.900 đ/m³
- + Điện năng tiêu thụ bình quân: ≤ 0,540kw/m³
- + Tỷ lệ thất thoát bình quân: ≤ 21%
- + Thay thế đồng hồ KH đến hạn: 10.000 cái

2. Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý điều hành, đảm bảo hoạt động công ty phát triển, hiệu quả;

3. Tăng cường kiểm tra, giám sát các nghị quyết, quy chế của HĐQT

4. Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ

5. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:*

Bảng số 15: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đào Bá Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Lê Văn Tư	Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3	Trần Văn Hợi	Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
4	Lê Thành Ty	Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
5	Nguyễn Hoạt	Thành viên Hội đồng quản trị	Thành viên HĐQT điều hành

📌 Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	: ĐÀO BÁ HIẾU
Số CMND	: 190349029 Ngày cấp: 05/5/2015 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	: Nam

Ngày tháng năm sinh	:	11/07/1964
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Hải Thượng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	:	Khu phố 2, Phường 2, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Khu phố 2, Phường 2, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0942 737 557
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế, ngành kế toán

Quá trình công tác

<i>Từ 11/1985 đến 09/1990</i>	:	<i>Cán bộ Công ty khai thác chế biến XNK lâm sản Việt - Lào trực thuộc tỉnh Quảng Trị</i>
<i>Từ 01/1991 đến 05/1995</i>	:	<i>Phó giám đốc, phụ trách Xí nghiệp Liên doanh lâm nghiệp 19/5 trực thuộc Công ty khai thác chế biến XNK lâm sản Việt - Lào</i>
<i>Từ 06/1995 đến 07/1996</i>	:	<i>Công ty giải thể bản thân đ/c nghỉ chờ chuyển công tác</i>
<i>Từ 08/1996 đến 11/2000</i>	:	<i>Nhân viên Xí nghiệp nước thị xã Quảng Trị thuộc Công ty cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 12/2000 đến 08/2001</i>	:	<i>Phó giám đốc Xí nghiệp nước thị xã Quảng Trị thuộc Công ty cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 9/2001 đến 04/2003</i>	:	<i>Quyền giám đốc Xí nghiệp nước thị xã Quảng Trị thuộc Công ty cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 5/2003 đến 11/2007</i>	:	<i>Trưởng phòng kế hoạch - kỹ thuật Công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 12/2007 đến 07/2013</i>	:	<i>Phó giám đốc công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 8/2013 đến 03/2016</i>	:	<i>Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 04/2016 đến nay</i>	:	<i>Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần nước</i>

sạch Quảng Trị

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : *Chủ tịch Hội đồng quản trị*
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9.300 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước (UBND tỉnh Quảng Trị): 8.788.865 cổ phiếu, chiếm 48,16% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 00 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên : **LÊ VĂN TỰ**

Đã nêu ở mục Lý lịch Ban điều hành.

Họ và tên : **TRẦN VĂN HỘI**

Đã nêu ở mục Lý lịch Ban điều hành.

Họ và tên : **LÊ THÀNH TY**

Đã nêu ở mục Lý lịch Ban điều hành.

Họ và tên : **NGUYỄN HOẠT**

Số CMND : 190917158 Ngày cấp: 24/8/2007 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 02/5/1965

Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Hải Lệ, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	:	Khu phố 4, Phường 5, TP.Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Khu phố 4, Phường 5, TP.Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0913 434 715
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế, ngành quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

<i>Từ 12/1985 đến 09/1991</i>	:	<i>Công nhân cơ khí Công ty cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 10/1991 đến 07/2000</i>	:	<i>Tổ trưởng tổ cơ khí Công ty cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 8/2000 đến 07/2001</i>	:	<i>Phụ trách phòng Quan hệ khách hàng Công ty cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 8/2001 đến 01/2006</i>	:	<i>Quyền trưởng phòng Quan hệ khách hàng Công ty cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 02/2006 đến 10/2007</i>	:	<i>Trưởng phòng Quan hệ khách hàng Công ty cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 11/2007 đến 05/2009</i>	:	<i>Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Gio Linh thuộc Công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 06/2009 đến 05/2013</i>	:	<i>Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Đông Hà thuộc Công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 06/2013 đến tháng 03/2016</i>	:	<i>Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên cấp nước và xây dựng Quảng Trị, Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Đông Hà.</i>
<i>Từ 04/2016 đến nay</i>	:	<i>Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị, Giám đốc Xí nghiệp kinh</i>

doanh nước sạch Đông Hà.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : *Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Xi nghiệp kinh doanh nước sạch Đông Hà.*
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.900 cổ phiếu – chiếm 0,04% vốn điều lệ
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước (UBND tỉnh Quảng Trị): 1.378.646 cổ phiếu – Chiếm 7,55% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 00 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : *Hưởng thù lao và hưởng lương theo quy chế*
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc. Chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, giai đoạn từ ngày 01/04/2016 đến 31/12/2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng.

Dù bước đầu còn bỡ ngỡ do chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần từ 01/4/2016 nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, tập thể lãnh đạo công ty và hơn 300 cổ đông, HĐQT đã điều hành linh hoạt hoạt động SXKD để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị đã có quyết định về việc phân công nhiệm vụ các thành viên nhằm xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cá nhân trong HĐQT

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ, các biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định nhằm chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc triển khai thực hiện trong toàn công ty. Năm 2016, HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự mở rộng tham gia dự họp của các phòng ban có liên quan

- Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định

- Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT về các vấn đề sau:

+ Quyết định v/v ban hành Quy chế làm việc và mối quan hệ công tác của tập thể lãnh đạo công ty;

+ Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý nội bộ, Tiêu chuẩn chức danh, bản mô tả công việc... phù hợp với mô hình hoạt động mới của công ty, đúng theo các quy định của pháp luật giúp các cá nhân, tổ chức có liên quan xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, tăng cường mối liên hệ, phối hợp trong công tác;

+ Quyết định bổ nhiệm cán bộ đối với các chức danh: Giám đốc, Phó giám đốc công ty, Quyết định v/v thành lập các xí nghiệp trực thuộc, phòng, ban chức năng để đảm bảo tinh giản, hiệu quả trong công tác SXKD;

+ Quyết định phê duyệt các công trình đầu tư, cải tạo từ nguồn vốn công ty

+ Quyết định v/v ban hành quy chế khoán chi phí sản xuất, quy trình thanh toán CPSX có tác dụng khuyến khích, động viên CBCNV-NLĐ nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng năng suất và chất lượng công việc.

+ Quyết định v/v ban hành Quy chế nhận xét, đánh giá, phân loại cán bộ nhân viên thuộc công ty quản lý;

+ Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của HĐQT

- Phối hợp tốt với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hội đồng quản trị hoạt động có sự phân công nhiệm vụ cụ thể và phối kết hợp trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh. Vậy, không có sự độc lập trong Hội đồng quản trị.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
1	Đào Bảo Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Văn Tư	Thành viên HĐQT, Giám đốc
3	Trần Văn Hợi	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
4	Lê Thành Ty	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
5	Nguyễn Hoạt	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 16: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Tiểu Mai	Trưởng ban kiểm soát
2	Lê Việt Hùng	Ủy viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Đăng Tú	Ủy viên Ban Kiểm soát

✚ **Lý lịch của thành viên Ban Kiểm soát:**

Họ và tên	NGUYỄN THỊ TIỂU MAI
Số CMND	: 191057260 Ngày cấp: 24/4/2005 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 14/12/1963
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Ba Đồn, Quảng Trạch – Tỉnh Quảng Bình
Hộ khẩu thường trú	: Khu phố 2 phường 5 Thành phố Đông Hà- Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	: Khu phố 2 phường 5 Thành phố Đông Hà- Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại : 0903 536 246
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, ngành kế toán

Quá trình công tác

Từ 1982 đến 1984 : Công nhân Xi nghiệp dệt Phú Xuân- Huế- Tỉnh Bình Trị Thiên

Từ 1984 đến 1987 : Học viên trường Trung học kinh tế Bình Trị Thiên

1987 đến 1990 : Kế toán Xi nghiệp Dệt thảm len Bình Trị Thiên

1990 đến 1994 : Kế toán Xi nghiệp vật liệu xây dựng Quảng Trị

Từ 1994 đến 01/2006 : Kế toán Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị

Từ 02/2006 đến 04/2011 : Phó Trưởng Phòng tài chính kế toán, kế toán tổng hợp Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị

Từ 05/2011 đến 03/2016 : Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị

Từ 01/4/2016 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số cổ phần nắm giữ : Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9.200 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 00 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên	LÊ VIỆT HÙNG
Số CMND	: 197110723 Ngày cấp: 28/3/2006 tại: Công an Tỉnh Quảng Trị
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 05/01/1966
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Hải Thiện, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị
Hộ khẩu thường trú	: Khu phố 7, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	: Số nhà 38 Khu phố 7, Phường 1, TP Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	: 0914 428 789
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

<i>Từ 03/1994 đến 5/1995</i>	: <i>Nhân viên quản lý đồng hồ Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 06/1995 đến 12/1998</i>	: <i>Nhân viên Phòng kế hoạch Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 12/1998 đến 8/2001</i>	: <i>Phụ trách kế toán thu ngân Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị</i>
<i>Từ 09/2001 đến 7/2009</i>	: <i>Quyền Trưởng Phòng thu ngân Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 08/2009 đến 7/2011</i>	: <i>Phó giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Đông Hà- thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 07/2011 đến 05/2015</i>	: <i>Phó phòng Quản lý chất lượng sản phẩm và Dịch vụ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 05/2015 đến 03/2016</i>	: <i>Phó phòng Tài chính- Kế toán Công ty TNHH</i>

MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị

Từ 04/2016 đến nay	:	<i>Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng Tài chính- Kế toán Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	<i>Phó phòng Tài chính- Kế toán Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị - Thành viên Ban kiểm soát</i>
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.400 cổ phiếu - chiếm 0,03% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	:	00 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng lương và thù lao theo quy chế của Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	:	NGUYỄN ĐĂNG TÚ
Số CMND	:	197070354 Cấp ngày 28/10/2004 tại: Công an Quảng Trị
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	23/10/1981
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Hải Vĩnh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	:	Xã Hải Vĩnh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
Chỗ ở hiện tại	:	Xã Hải Vĩnh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại	:	0919 100 555
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Quá trình công tác

<i>Từ 2005 đến 04/2008</i>	:	<i>Nhân viên kế toán Ban QLDA – Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 04/2008 đến 05/2012</i>	:	<i>Kế toán xí nghiệp cấp nước Bến Quan, Trục thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 06/2012 đến 03/2016</i>	:	<i>Kế toán Ban QLDA đầu tư phát triển cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận, Thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị</i>
<i>Từ 04/2016 đến nay</i>	:	<i>Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Kế toán Ban QLDA Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán Ban QLDA Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	2.900 Cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	:	00 Cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế của Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thành lập, Giám sát việc thực hiện các Quy chế của HĐQT và các Quyết định của Ban giám đốc trong năm 2016.

Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của ủy ban chứng khoán nhà nước.

Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng tổ chức công tác kế toán, xem xét sổ kế toán phát hiện các sai sót đã kịp thời đề nghị kế toán chỉnh sửa đúng với chế độ kế toán, Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty; phối hợp với Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

Ban kiểm soát thực hiện công tác giám sát thực hiện quy chế khoán chi phí nội bộ. Qua đó, xác định được tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ trong các khoản chi phí, chi thanh toán lương.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 17: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát (Từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2016)

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao (HĐQT, BKS, BGĐ)	Tổng thu nhập	Ghi chú
1	Đào Bá Hiếu	Chủ tịch HĐQT	286.227.123		286.277.123	
2	Lê Văn Tư	TV HĐQT, Giám đốc	255.219.185		255.219.185	
3	Trần Văn Hoi	TV HĐQT, P. Giám đốc	238.522.603		238.522.603	
4	Lê Thành Ty	TV HĐQT, P. Giám đốc	238.522.603		238.522.603	
5	Nguyễn Hoạt	Thành viên HĐQT	133.054.000	18.678.160	151.732.160	
6	Nguyễn T. Tiểu Mai	Trưởng Ban KS	219.786.153		219.786.153	
7	Lê Việt Hùng	TV Ban KS	106.604.000	18.678.160	125.282.160	
8	Nguyễn Đăng Tú	TV Ban KS	85.453.000	18.678.160	104.131.160	

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Không có.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ kế toán đầu tiên kể từ khi Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần, do đó số liệu so sánh cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số liệu năm 2015 đã được kiểm toán.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán giai đoạn từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2016 được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ <http://qtwaco.vn/danh-muc-342.html?tab=tab6>

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**



Đào Bá Hiếu